TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 10 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Huỳnh Văn Năm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 259/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn M** – sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Chị **Trần Kim D** – sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, anh M, chị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D sống chung năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Phạm Thị Ái N, sinh ngày 11/10/2000 và cháu Phạm Vũ P, sinh ngày 10/9/2009. Cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu P, hiện cháu

đang sống với anh. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Trần Kim D đúng theo quy định pháp luật nhưng chị D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Kim D có nơi trú tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị D, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh M là người khởi kiện, chị D là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự anh M là nguyên đơn, chị D là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, anh M, chị D sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh M được ly hôn với chị D.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung, cháu Phạm Thị Ái N, sinh ngày 11/10/2000 và cháu Phạm Vũ P, sinh ngày 10/9/2009. Cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu P, hiện cháu đang sống với anh M, chị D đi làm xa nhà không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cho cháu P. Tòa án có ghi nhận ý kiến cháu P và cháu có nguyện

vọng sống với anh M, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, điều kiện cụ thể của hai bên đương sự và đúng với quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh M không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của anh M nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật, chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M về việc yêu cầu được ly hôn với chị Trần Kim D.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn M và chị Trần Kim D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ P, sinh ngày 10/9/2009 cho anh Phạm Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Kim D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Trần Kim D không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002515 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, anh Phạm Văn M không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, anh Phạm Văn M, chị Trần Kim D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp